

# GIAO LƯU VĂN HÓA PHẬT GIÁO CỦA CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA

TRẦN HỒNG LIÊN\*

Việt Nam - Campuchia, trong lịch sử cũng như hiện tại, có những tương đồng về địa - văn hóa và địa - lịch sử. Vị trí hai nước với đường biên dài hơn một ngàn cây số đã giúp định hình một khu vực biên giới giàu tiềm năng, có ý nghĩa đặc biệt về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. Bài viết đề cập đến mối quan hệ giao lưu về văn hóa, đặc biệt là trên lĩnh vực Phật giáo giữa hai nước trong quá khứ và hiện tại, đồng thời nêu lên những đặc điểm trong đời sống tôn giáo của cộng đồng cư dân vùng biên giới. Những đặc điểm này được hình thành từ đâu? Đó là những đặc điểm gì? Phải chăng ngoài yếu tố địa lý cận kề còn là sự đồng nhất trong việc tuân phục vào một loại hình tôn giáo duy nhất là Phật giáo Nam tông? Câu hỏi nghiên cứu được đặt ra trong quá trình tìm hiểu nhằm góp phần vào việc đánh giá và đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển bền vững vùng biên giới giữa hai nước.

## 1.1 Một số nét tương đồng

Phật giáo sử Đông Nam á đã từng ghi

nhận về sự du nhập và phát triển rất sớm của dòng Phật giáo được truyền từ phía Nam Ấn Độ sang các nước như Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia. Đó là hệ phái Phật giáo Nam tông (Hinayana). Niên đại được ghi nhận khá sớm, tùy từng quốc gia. Đối với Campuchia, cũng có lúc lưu hành Phật giáo Bắc tông (Mahayana) nhất là vào thế kỷ 12, nhưng xuyên suốt cho đến nay, Phật giáo ở Campuchia vẫn thuộc hệ phái Nam tông<sup>(1)</sup>, là quốc giáo. Như vậy, ở khu vực vùng biên giới, vẫn thấy khá nhiều ngôi chùa thuộc hệ phái này được xây dựng với đường nét kiến trúc đặc thù của ngôi chùa Phật giáo Nam tông khu vực Đông Nam Á. Từ Svay Riêng, lên Prey veng, Kandal, tới Phnom Penh và dọc theo đường biên từ Phnom Penh lên Siem Reap, qua Kompong Chhnang, Kompong Cham, Kompong Thom đều thấy phân bố khu vực cư trú với các Srock, người dân cư trú bao quanh ngôi chùa. Đó là một cảnh quang riêng biệt, khép kín và lộng lẫy.

Ở Việt Nam, truyền thống ba hệ phái Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ gắn bó với

\* TS. Trần Hồng Liên, Viện Phát triển bền vững vùng Nam bộ (SISD)

nhau, cùng tiếp tục tồn tại. Theo nhận định của nhà tôn giáo học người Pháp thì “ý muốn tạo nên một ‘Đông Dương thuộc Pháp’ cũng đã làm thay đổi quan hệ giữa các quốc gia lân cận là Campuchia và Việt Nam. Không tranh luận về tính cách bất chính và về các hậu quả chính trị của sự thống trị thực dân, chúng ta phải nhìn nhận rằng thời kỳ này đã tạo thuận lợi cho sự trao đổi văn hóa, dù các cuộc trao đổi này là sự kiện hay là hậu quả trực tiếp và đôi khi ngoài ý muốn của những người có quyền lực thống trị đề xướng”(2).

Tài liệu Cục Lưu trữ quốc gia Campuchia có đề cập đến sự kiện vào ngày 6/10/1924 đã cấp phép trùng tu những ngôi chùa Việt ở Vĩnh Xương<sup>(3)</sup>. Điều này cho thấy mối quan hệ của khu vực vùng biên giới Việt Nam-Campuchia trong giai đoạn đầu thế kỷ 20, trên lĩnh vực tôn giáo đã được đẩy mạnh. Vĩnh Xương hiện nay là xã thuộc huyện Tân Châu, tỉnh An Giang. Cũng cần thấy rằng hai vị tiếp nối đường hướng đạo Bửu Sơn Kỳ Hương (BSKH), do Phật Thầy Tây An khai sáng, là ông Phạm Thanh Quang (1921-1947) và ông Trần văn Soái (1933- ) đều là người Việt, sinh ra và lớn lên tại tỉnh Kan Dal (Campuchia). Ông Phạm Thanh Quang người quê gốc ở làng Lý Nhơn, Prek Chây, Kok Thum, Kandal, là người tiếp nối đường hướng của Phật Thầy Tây An. Năm 1942, ông bị Pháp bắt đưa về Phnom Pênh giam cầm tra khảo, nhưng không tìm ra chứng lý, chúng trực xuất ông trở về Việt Nam. Sau năm 1942, ông dựng chùa ở xã Vĩnh Xương (Tân Châu-An Giang) mang tên *Bửu Sơn*

*Thiền Lâm tự*, hốt thuốc nam trị bệnh, quy tụ tín đồ chờ cơ hội tiếp tục khởi nghĩa chống thực dân Pháp. Năm 1945, ông chính thức xây ngôi chùa tên hiệu *Bửu Sơn Kỳ Hương*, làm đường dây liên lạc hoạt động cách mạng chống Pháp. Sau khi ông từ trần vào năm 1947, ông Trần văn Soái tiếp nối phụ trách nhóm tín đồ theo đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở xã Vĩnh Xương hiện nay<sup>(4)</sup>.

Ở Nam Kỳ, từ năm 1930, chịu ảnh hưởng của làn sóng chấn hưng Phật giáo ở Châu Á và ở Việt Nam<sup>(5)</sup>, một số tín đồ Việt Nam tại Campuchia đã khởi xướng thành lập Phật giáo Nguyên Thủy (Theravada). Người khởi xướng là ông Lê văn Giảng, sau này xuất gia có pháp danh là Hộ Tông. Ông là người đã đưa hệ phái Phật giáo Nam tông vào cộng đồng người Việt ở Việt Nam. Cũng theo tài liệu của Cục Lưu trữ quốc gia Campuchia, vào năm 1935 khi chính quyền thuộc địa chính thức nhìn nhận 6 hội Phật giáo tại Nam kỳ, các tổ chức này đã mở rộng hoạt động giảng dạy và tương trợ lẫn nhau nơi người Việt ở Campuchia<sup>(6)</sup>. Cục lưu trữ cũng có khá nhiều tư liệu về những ngôi chùa của người Việt ở Campuchia, đa số được xây dựng từ những năm 1930-1938, như chùa Kim Cang, Phước Trường, Sùng Phước, Kim Chương, Phước Long... Một số chùa vừa kể hiện đã bị hủy hoại trong chiến tranh (1975-1979) do Pôn Pốt gây ra.

Phật giáo Nam tông ở Campuchia có 2 phái: Mohanikay (Phái Đại chúng) và Thamayutinikya (phái Chuẩn theo Phật pháp). Theo số liệu năm 1998<sup>(7)</sup> phái Mohanikay chiếm đa số, với 4.006 chùa,

còn phái Thamayutinikya chỉ có 129 ngôi. Khi được truyền bá vào Việt Nam trong cộng đồng người Khmer ở Nam bộ, vẫn có cả hai phái tồn tại, nổi bật nhất là tại vùng biên giới, thuộc huyện Tri Tôn và Tịnh Biên của tỉnh An Giang. Sư cả chùa Ông Mệt (tỉnh Trà Vinh) cho biết: “*phái Mohanikay* là phái lớn, chủ trương thoải mái hơn, không khắt khe quá! Chủ trương giáo dục chừa tăng, giới luật thực hành chánh pháp của Đức Phật. Phái Thammayutinikya có nghĩa là *Pháp môn trong sạch*. Hai phái khác nhau về ngôn ngữ nói, về sinh hoạt, về kinh tụng”<sup>(8)</sup>

Ngôi chùa đầu tiên ở Việt Nam thuộc hệ phái Nam tông, trong cộng đồng người Việt, được xây dựng vào năm 1938 là chùa Bửu Quang ở Gò Dưa-Thủ Đức. Cách hành lễ, nghi thức thờ cúng, trang phục có khác với hệ phái Bắc tông, nhưng ngôi chùa Phật giáo Nam tông của người Việt từ sau ngày thành lập cũng đã có những đóng góp và giữ vai trò quan trọng trong đời sống phật tử.

Trước năm 1975, theo giáo luật, các chùa Khmer thuộc đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) sau khi xây dựng xong chính điện phải làm lễ Kiết giới seima, nếu chưa tổ chức lễ, xem như chưa hoàn thành. Dịp này, sư sãi cũng mời các vị sư từ Campuchia sang tham dự, hoặc làm lễ. Chùa Khmer ở ĐBSCL có gần 500 ngôi, trong đó hầu hết các pho tượng tôn trí đều được đưa từ Campuchia về. Do vậy, từ đường nét nghệ thuật, đến màu sắc, chất liệu đều thể hiện yếu tố tâm lý, phong tục của cư dân nói ngôn ngữ Môn Khmer. Một trong những đặc trưng bên trong chùa

Khmer, cả ở Việt Nam và Campuchia là các hình ảnh về lịch sử cuộc đời đức Phật Thích Ca (Jataka) đều được vẽ với kích thước lớn, trang trí toàn bộ bên trong chính điện. Những nghệ nhân này cũng được mời từ Campuchia sang. Tại các chùa Khmer, kinh sách được in ấn cũng được đưa sang Campuchia in, vì có chữ Khmer sắc nét.

Về mối quan hệ gần gũi của hai cộng đồng cư dân vùng biên, có ý kiến đã nhận xét: “Người Khmer ở An Giang có nhiều thân nhân sống ở nước ngoài, trong đó đa số sống ở Campuchia láng giềng, chính vì vậy việc đi lại, trao đổi giữa hai bên rất tự nhiên. Do giáp với Campuchia và có mối quan hệ dòng họ với người Khmer ở Campuchia, nên người Khmer ở An Giang qua lại biên giới khá dễ dàng. Có rất nhiều người sang bên kia biên giới làm ăn, đôi khi thấy thuận lợi hơn thì họ ở lại, không thuận lợi, lại quay về”<sup>(9)</sup>

Mối quan hệ bang giao trên lĩnh vực tôn giáo giữa hai địa phương vùng biên giới diễn ra rõ nét hơn vào dịp có lễ hội, như lễ Phật Đản, Dolta, Ok Om Bok., chính quyền tỉnh Tà Keo, Kandal cũng sang thăm viếng chùa Khmer vùng biên giới như ở Tân Châu (Tây Ninh) ; ở Tịnh Biên (An Giang). Tín đồ sang tham dự lễ hội, tham quan vài hôm mới trở về.

Như vậy, trong lĩnh vực tín ngưỡng - tôn giáo, Phật giáo Nam tông là chất keo gắn kết cộng đồng hai dân tộc Việt Nam-Campuchia cư trú vùng ven biên, từ đó tạo điều kiện tốt hơn cho quan hệ giao lưu văn hóa trên các lĩnh vực khác như trong tập quán cưới xin, trong văn hóa -

nghệ thuật

Trang phục cô dâu Khmer ngày nay ở Tri Tôn, Tịnh Biên (An Giang), Tân Châu (Tây Ninh) đều được mua hoặc mượn từ Campuchia đưa sang. Có gia đình cũng thuê cả người trang điểm cho cô dâu sang. Những bài hát được thu âm từ Campuchia, sử dụng trong lễ cưới được người Khmer vùng biên giới ưa thích. Ngay cả trang phục của một số tu sĩ Phật giáo trong các ngôi chùa Khmer Việt Nam hiện nay đã thấy vấn y có màu da (nâu đỏ sậm), là màu y của một số tu sĩ các nước Myanmar, Lào, Thái, Campuchia đang sử dụng. Trước đây màu y phổ biến là màu vàng nghệ. Rõ ràng là trong các vùng biên giới, việc đi lại, mua bán, giao lưu trong ăn mặc đã thể hiện rõ hơn các vùng nội địa. Phật tử đã mua y này tại các cửa khẩu vùng ven hoặc do giao lưu với sư sãi và phật tử các nước mà có, và phật tử đã cúng dường cho tu sĩ Khmer trong ngày lễ Dâng y Kathina vào tháng 9 âm lịch hàng năm.

### 1.2 Một số những dị biệt

Như đã trình bày trên, dù rằng cộng đồng tộc người Khmer ở Việt Nam và Campuchia đã có mối quan hệ giao lưu văn hóa trong lịch sử, diễn ra ngày một mạnh mẽ như hiện nay, nhất là trong vùng biên giới giữa hai nước, nhưng trên lĩnh vực đời sống văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo, cũng còn nhiều khác biệt. Sự khác nhau còn từ điều kiện thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo của hai nước.

Về địa bàn cư trú của người Khmer

trong nước Việt Nam, với 3 khu vực cư trú : khu vực cao thuộc vùng Châu Đốc, Tri Tôn, Tịnh Biên (thuộc An Giang ); khu vực chuyển tiếp: Cần Thơ, Vĩnh Long, Hậu Giang, Kiên Giang, một phần An Giang; khu vực thấp, gồm Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau, cư trú theo ven biển; trong đó, khu vực cao có nhiều nét tương đồng với người Khmer Campuchia hơn, còn khu vực thấp mang tính giao thoa đậm nét với văn hoá Việt, Hoa

Người Khmer Campuchia theo Phật giáo Nam tông hiện đang sống trong một không gian khép kín trong các phum, srok. Các tộc khác sống trong khu vực, nếu có, cũng mang tính riêng lẻ, biệt lập trong một đơn vị phum khác.

Trong khi ở Nam bộ, ba dân tộc Khmer, Việt, Hoa thường xuyên có mối quan hệ qua lại, giao lưu với nhau trên tất cả các bình diện: xã hội, sinh hoạt, hôn nhân, lễ hội, tang ma, nhất là ngôn ngữ và tôn giáo. Chính hiện tượng cộng cư, cộng sinh trên đã tạo nên sự giao lưu văn hoá ở người Khmer Nam Bộ, khiến họ có những đặc trưng riêng so với người Khmer Campuchia. Những đặc trưng này thể hiện trong các mặt của đời sống vật chất và tinh thần. Đặc biệt hiện nay, tại vùng ven biên, với chính sách dân tộc được triển khai, các cụm dân cư, tuyến dân cư, khu giản dân<sup>(10)</sup> của người Khmer đang từng bước được thực hiện tại các huyện, xã ở Tri Tôn, Tịnh Biên (An Giang); Tân Châu, Tân Biên (Tây Ninh) nhằm phá dần thế khép kín, biệt lập đã có, để đưa cộng đồng cư dân Khmer Nam bộ ngày một hội nhập với xu thế mới của thời đại.

Về ngôn ngữ, tiếng Khmer Nam Bộ là tiếng nói của một tộc người không chủ thể trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Do quá trình cộng cư và cộng sinh với người Việt và người Hoa, người Khmer Nam Bộ cùng lúc sử dụng ba ngôn ngữ là phổ biến, thậm chí thể hiện chỉ trong một câu nói. Tiếng Khmer Campuchia đảm đương chức năng ngôn ngữ quốc gia. Trên nền tảng của sự khác nhau căn bản ấy, ngôn ngữ của hai nhóm tộc người này sẽ phát triển theo những cung cách khác nhau, đặc biệt là phương diện ngữ âm và từ vựng.

Đối với Phật giáo, tại vùng ven biên Việt Nam, đã hình thành ngôi chùa của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương. Tư tưởng vị tha, vì mọi người đã được thể hiện suốt trong hai thời kỳ kháng chiến chống xâm lược của tín đồ có đạo vùng biên giới, với hoạt động chống Pháp của người lãnh tụ và của đại đa số tín đồ. Truyền thống đó ngày nay vẫn còn tiếp nối.

Phật giáo Nam tông hiện nay vẫn chiếm đa số trong cư dân Campuchia. Tăng đoàn (Sangha) có vị trí quan trọng, gồm ba cấp: cấp chùa (phum), cấp huyện hoặc tỉnh và trên cùng là Vua sư. Khmer Nam Bộ không có sự phân cấp như vậy. Thậm chí hiện nay, tại một số vùng, Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước đã không còn hoạt động (như ở An Giang) vì đã hòa nhập vào tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ sau năm 1981./.

1. Phật giáo Nam Tông vào Campuchia từ thế kỷ 4 trước Công nguyên. Thế kỷ 11 và 12 mới có Phật giáo Bắc tông.
2. Pascal Bourdeaux 2007. Vào khoảng thời gian đại đức Hộ Tông còn mang tên Lê Văn Giảng. Tìm hiểu việc thành lập Phật giáo Theravada Việt Nam qua tiểu sử Lê Văn Giảng (1883-1940). Khoa học xã hội số 2. Tr. 55.
3. O.R n\_0 48 du 6 Octobre 1924 portant autorisation de reconstruction des pagodes Kos Oknha Tey, pagode annamite à Vinh Xương Khum. Kaamsamnar (Koeuk Dek) 1924.
4. Tóm tắt tiểu sử của ông Phạm Thanh Quang, giáo chủ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Tư liệu của nhóm Bửu Sơn Kỳ Hương xã Vinh Xương. Tân Châu-An Giang. 2008.
5. Xem thêm Trần Hồng Liên 2000 Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam bộ VN, từ thế kỷ 17 đến 1975. Tái bản lần 1. Hà Nội, Nxb KHXH. Tr. 49.
6. Pascal Bourdeaux 2007. Tư liệu đã dẫn.
7. Khlot Thyda 2008. *Buddhism existing in Cambodia*. Bản thảo. tr.3.
8. Phỏng vấn sâu Thạch Oai - Sư Cả chùa Ông Met, thị xã Trà Vinh ngày 10/8/2007. Người phỏng vấn: Trần Hồng Liên.
9. Lâm Tuyết Mai 2008. Quan hệ xã hội liên khu vực, xuyên biên giới của người Khmer An Giang. Bản thảo đề tài nhánh đề tài Cấp Bộ: Dân tộc và tôn giáo ở Tây Nam bộ trong quá trình phát triển. Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Hồng Liên. Viện Phát triển bền vững vùng Nam bộ. Tr.2.
10. Khu giãn dân: đưa người Khmer ra khỏi khu vực nhà cũ, người dân vay tiền mua đất trả chậm, sống xen kẽ với người Kinh. Cụm dân cư: làm đường bê tông, có điện nước đưa vào tận nhà, người Khmer vay tiền để nâng nền, trả góp. Đất của họ, nhưng không trật tự, nay lập lại. Tuyến dân cư :người Khmer phải mua nền nhà,